

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10-05-2021

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Châu Nam Phú.

*Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thanh Hoàng;

Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Châu Kim Sol - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên Tòa:** bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 05 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 453/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án N xét xử số 26/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 04 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Neàng Kươnl T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bị đơn: anh Chau N, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Người phiên dịch: ông Lục Tà D, cán bộ đài truyền thanh huyện Tịnh Biên, có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nàng Kươn T trình bày:*

- Về hôn nhân: chị T và anh Chau N kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 190/2014, ngày 19/12/2014 do UBND xã Tân Lợi cấp.

Quá trình chung sống, không có hạnh phúc do anh Chau N không lo cho vợ con, thường xuyên đi uống rượu gây nợ nần, chị T phải trả nợ thay, mỗi lần say xỉn anh N cầm hung khí hăm dọa, làm cho chị hoảng sợ, sống trong lo âu. Chị T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh N không chịu sửa đổi tính tình, hiện chị T và anh N đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2020 cho đến nay. Nay, Chị T không thể chịu đựng được nữa nên chị T yêu cầu được ly hôn với Chau N.

- Về con chung: Chị T và anh Chau N có một đứa con chung tên Chau Bô Ra P, sinh ngày 05/02/2016, hiện đang chung sống với chị T. Khi ly hôn chị T xin quyền nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: chị T khai không có nợ chung.

**2.** Quá trình tố tụng, bị đơn anh Chau N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn chị T có mặt, bị đơn anh Chau N vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 22/04/2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng chỉ có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh Chau N tiếp tục vắng mặt và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

*3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa*

*và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

*- Về tuân theo pháp luật:*

+ Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn cơ bản đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn thì chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

*- Về việc giải quyết vụ án:*

+ Về hôn nhân: nhận thấy hôn nhân giữa chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo luật hôn nhân gia đình, tuy nhiên cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh, không hàn gắn được do anh N thường xuyên uống rượu, chị T khuyên bảo nhưng không được. Điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh N.

+ Về con chung: chị T và anh Chau N có với nhau một đứa con chung Chau Bô Ra P, sinh ngày 05/02/2016, hiện do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T xin quyền nuôi con chung. Nhận thấy, cháu P còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu P cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Chau N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu.

+ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và cùng khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

**- Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Chau N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Quan hệ hôn nhân và gia đình giữa chị T và anh N được xác lập vào năm 2014, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

#### **- Về nội dung vụ án:**

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N được xác lập vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trung, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của nguyên đơn chị T và xác minh tại địa phương thì tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N có phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ tháng 05 năm 2020 đến nay.

Theo quy định tại Điều 18 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: *“Vợ chồng chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững”*.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng chị T, anh N không còn sống chung với nhau từ năm tháng 05 năm 2020 đến nay, do nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Về quan hệ con chung: chị T và anh N có một đứa con chung tên Chau Bô Ra P, sinh ngày 05/02/2016, hiện do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T xin quyền nuôi con chung. Nhận thấy, từ lúc chị T và anh N sống ly thân (5/2020), con chung sống với chị T, vì vậy để đảm bảo mọi mặt của con chung, ổn định về

môi trường sống, học tập, vui chơi giải trí của cháu P, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên kia (người không trực tiếp nuôi) trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[7] Về quan hệ tài sản chung: chị T không yêu cầu chia tài sản chung và khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[8] Quá trình tố tụng, bị đơn ông Chau N không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu, chứng gì cho Tòa án nên được xem là từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho mình, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét gì cho bị đơn.

[9] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chị Nèang Karonl T là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Anh Chau N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 11, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nèang Kưonl T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nèang Kưonl T được ly hôn anh Chau N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 100/2014 ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Chau Bô Ra P, sinh ngày 05/02/2016 cho chị Nèang Kưonl T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Chau N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Chau N không trực tiếp nuôi con chung nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dạy con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nèang Kưonl T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0005980 ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS huyện Tịnh Biên;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- THA huyện Tịnh Biên;
- Lưu Vp + Hs.

**Châu Nam Phú**